

## Phần 1

### PHÂN LOẠI CÁC PHƯƠNG PHÁP BẢO VỆ THÔNG TIN

#### Theo loại nhiệm vụ được giải quyết

- Kỹ thuật,
- Phần mềm,
- Mật mã,
- **Tổ chức.**

#### Theo bản chất của nhiệm vụ được giải quyết

- Dự phòng,
- Tăng tính dư thừa,
- Điều chỉnh quyền truy cập,
- Điều chỉnh việc sử dụng,
- Chuyển đổi bảo vệ,
- Kiểm soát,
- Đăng ký,
- Hủy thông tin,
- Báo động,
- Phản ứng.

#### Theo chức năng sử dụng

- Giải pháp bảo vệ độc lập,
- Giải quyết nhiệm vụ bảo vệ kết hợp với các phương tiện khác,
- Quản lý các công cụ bảo vệ,
- Đảm bảo vận hành các cơ chế bảo vệ.

---

### Phương pháp tổ chức

- Giải quyết các nhiệm vụ bảo vệ thông tin một cách độc lập.
- **Hỗ trợ** và bổ sung các phương pháp bảo vệ khác.

#### Các phương pháp tổ chức bảo vệ thông tin bao gồm:

- Phương pháp tổ chức-kỹ thuật.
- Các biện pháp tổ chức-pháp lý.

Bên cạnh đó, trong tổng thể các phương pháp và phương tiện bảo vệ thông tin, **các phương pháp tổ chức đóng vai trò đặc biệt quan trọng** vì những lý do sau:

- Ảnh hưởng gia tăng của các yếu tố ngẫu nhiên.
- Tính chất phi tiêu chuẩn.

- Sự tồn tại của **"yếu tố con người"**.

**Yếu tố con người** – là một thuật ngữ đa nghĩa mô tả khả năng con người đưa ra quyết định sai lầm hoặc thiếu logic trong các tình huống cụ thể.

---

## KHÁI NIỆM THÔNG TIN

**Thông tin** (*Information* – từ tiếng Latinh *informātiō* có nghĩa là "giải thích, trình bày, hiểu biết về điều gì đó"; từ *informare* có nghĩa là "định hình, tạo hình thức, đào tạo, suy nghĩ, tưởng tượng") – là dữ liệu độc lập với hình thức biểu đạt của chúng.

Thông tin phải có một hình thức thể hiện nhất định (tức là chuyển đổi thành dữ liệu) để có thể được trao đổi. Thông tin, trên hết, là sự diễn giải (ý nghĩa) của hình thức biểu đạt đó (theo tiêu chuẩn ISO/IEC/IEEE 24765:2010).

Theo nghĩa nghiêm ngặt, thông tin khác với dữ liệu, mặc dù trong ngữ cảnh không chính thức, hai thuật ngữ này thường được sử dụng như từ đồng nghĩa.

### Khái niệm cụ thể hơn về "Người mang thông tin"

#### Người mang thông tin chứa đựng bí mật nhà nước

Là các đối tượng vật chất, bao gồm cả các trường vật lý, trong đó các thông tin chứa đựng bí mật nhà nước được thể hiện dưới dạng ký hiệu, hình ảnh, tín hiệu, giải pháp kỹ thuật và quy trình.

---

## KHÁI NIỆM BÍ MẬT. CÁC LOẠI BÍ MẬT

**Bí mật** được hiểu là điều gì đó bị che giấu khỏi người khác, không phải ai cũng biết, một sự bí ẩn.

**Bí mật** (*Taŭha*) – trước hết là dữ liệu, thông tin.

### Dấu hiệu của bí mật

- Thông tin chỉ được biết hoặc ủy thác cho một nhóm người hạn chế.
  - Thông tin không được phép tiết lộ công khai.
  - Việc tiết lộ thông tin có thể dẫn đến hậu quả tiêu cực (thiệt hại vật chất hoặc tinh thần đối với chủ sở hữu, người sở hữu, người sử dụng hoặc bên thứ ba).
  - Những người được giao phó thông tin không được phép tiết lộ phải có nghĩa vụ pháp lý bảo vệ và lưu giữ chúng.
  - Luật pháp quy định trách nhiệm pháp lý đối với hành vi tiết lộ thông tin bí mật.
-

## VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ THÔNG TIN

- Các hiệp ước, hiệp định, thỏa thuận quốc tế.
- Hiến pháp Liên bang Nga.
- Luật Liên bang Nga.
- **Bộ luật của Liên bang Nga:**
  - Dân sự.
  - Hành chính.
  - Hình sự.
  - Bộ luật Liên bang Nga về vi phạm hành chính.
  - Lao động.
  - Gia đình.
  - ...
- Sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga.
- Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga.
- Các văn bản quy phạm pháp luật của các bộ và cơ quan, bắt buộc thực hiện trên toàn lãnh thổ Liên bang Nga và đối với tất cả các quan chức (FSTEC, FSB).
- Tiêu chuẩn nhà nước.
- Các văn bản quy phạm ngành và liên ngành.

## Sơ đồ hệ thống pháp lý và quy phạm của Nga trong lĩnh vực bảo vệ thông tin

1. **Hiến pháp Liên bang Nga**
2. **Các văn bản pháp luật quy phạm về bảo vệ thông tin kỹ thuật:**
  - Luật liên bang.
  - Sắc lệnh và chỉ thị của Tổng thống Liên bang Nga.
  - Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga.
3. **Các tài liệu tổ chức-hành chính về bảo vệ thông tin kỹ thuật:**
  - Khái niệm.
  - Quy định.
4. **Các tài liệu quy phạm và hướng dẫn về bảo vệ thông tin kỹ thuật:**
  - Tiêu chuẩn nhà nước.
  - Các tài liệu quy phạm đặc biệt (FSTEC, FSB).
5. **Các tài liệu quy phạm ngành về bảo vệ thông tin kỹ thuật.**

---

## THÔNG TIN CÓ TÍNH BẢO MẬT

Danh mục thông tin có tính bảo mật được thiết lập theo **Sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga số 188 ngày 06.03.1997** "*Về việc phê duyệt Danh mục thông tin có tính bảo mật*" (sửa đổi ngày **23.09.2005, 13.07.2015**).

1. **Thông tin về các sự kiện, sự việc và hoàn cảnh trong đời sống cá nhân của công dân** giúp xác định danh tính của họ (**dữ liệu cá nhân – ПДН**), ngoại trừ các trường hợp luật liên bang yêu cầu công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng.
2. **Thông tin về bí mật điều tra và tố tụng**, về các cá nhân được bảo vệ mà đã có quyết định thực hiện các biện pháp bảo vệ nhà nước theo luật liên bang, cũng như về các biện pháp bảo vệ nhà nước đối với những người được bảo vệ theo quy định của pháp luật Liên bang Nga nhưng không thuộc bí mật nhà nước.
3. **Thông tin công vụ**, quyền truy cập bị hạn chế bởi các cơ quan chính quyền nhà nước theo **Bộ luật Dân sự Liên bang Nga và Luật liên bang (bí mật công vụ)**.
4. **Thông tin liên quan đến bí mật nghề nghiệp**, quyền truy cập bị hạn chế theo **Hiến pháp Liên bang Nga và Luật liên bang (bí mật y tế, bí mật công chứng, bí mật luật sư, bí mật thư tín, điện đàm, thư tín bưu điện, điện tín và các thông điệp khác, v.v.)**.
5. **Thông tin liên quan đến hoạt động thương mại**, quyền truy cập bị hạn chế theo **Bộ luật Dân sự Liên bang Nga và Luật liên bang (bí mật thương mại)**.
6. **Thông tin về bản chất của sáng chế, mô hình hữu ích hoặc kiểu dáng công nghiệp** trước khi có công bố chính thức về chúng.

---

## TÍNH BẢO MẬT CỦA THÔNG TIN. CÁC LOẠI BÍ MẬT

Theo **Luật Liên bang (FZ) số 149-FZ ngày 27.07.2006** "*Về thông tin, công nghệ thông tin và bảo vệ thông tin*", thông tin lưu hành trong xã hội được chia thành:

- **Thông tin công khai**
- **Thông tin có quyền truy cập hạn chế**

Luật cũng quy định rằng quyền truy cập vào thông tin chỉ có thể bị hạn chế theo **Luật Liên bang (Khoản 2, Điều 5)**.

Luật về thông tin phân loại thông tin dựa trên quy trình cung cấp hoặc phổ biến thông tin (**Điều 5**):

- **Thông tin được phân phối tự do**
- **Thông tin được cung cấp theo thỏa thuận giữa các bên liên quan**
- **Thông tin mà theo quy định của luật liên bang phải chịu sự kiểm soát trong việc cung cấp hoặc phổ biến**

- Thông tin mà việc phổ biến tại Liên bang Nga bị hạn chế hoặc bị cấm

## THEO PHÁP LUẬT LIÊN BANG NGA, THÔNG TIN CÓ QUYỀN TRUY CẬP HẠN CHẾ CÓ THỂ BAO GỒM:

- Bí mật nhà nước  
hoặc
- Thuộc về thông tin có tính bảo mật.

### Bí mật nhà nước

Là những thông tin được nhà nước bảo vệ trong các lĩnh vực quân sự, đối ngoại, kinh tế, tình báo, phản gián và hoạt động điều tra tác chiến. Việc tiết lộ các thông tin này có thể gây tổn hại đến an ninh của Liên bang Nga.

Các quan hệ phát sinh liên quan đến việc xác định thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước, việc bảo mật hoặc giải mật, cũng như bảo vệ chúng vì lợi ích an ninh quốc gia của Liên bang Nga, được quy định theo **Luật Liên bang số 5485-1 ngày 21.07.1993 "Về bí mật nhà nước"** (sửa đổi ngày 08.08.2024, số 249-FZ).

## Điều 4. Thẩm quyền của cơ quan nhà nước và cán bộ trong việc xác định thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước và bảo vệ chúng

**4.1.** Các cơ quan nhà nước, được giao thẩm quyền theo Luật này để quản lý thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước, có thể, trong phạm vi không trái với Luật này, cũng như các văn bản quy phạm pháp luật của Tổng thống Liên bang Nga và Chính phủ Liên bang Nga về bảo vệ bí mật nhà nước, thiết lập trong các cơ quan nhà nước này và các cơ quan, tổ chức trực thuộc quy trình cấp, gia hạn và thu hồi quyền tiếp cận bí mật nhà nước đối với công dân, cũng như quyền tiếp cận thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước, có tính đến đặc thù nhiệm vụ mà họ thực hiện, nhưng phải được phối hợp với cơ quan hành pháp liên bang có thẩm quyền trong lĩnh vực bảo đảm an ninh.

## HỆ THỐNG BÍ MẬT ĐƯỢC BẢO VỆ THEO PHÁP LUẬT

Có rất nhiều loại bí mật được pháp luật bảo vệ, bao gồm:

- Bí mật nhà nước (государственная тайна);
- Bí mật thương mại (коммерческая тайна);
- Dữ liệu cá nhân (PDn) (персональные данные (ПДн));
- Bí mật đời tư (тайна личной жизни);
- Bí mật ngân hàng (банковская тайна);
- Bí mật thuế (налоговая тайна);
- Bí mật y tế (врачебная тайна);

- Bí mật nhận con nuôi (тайна усыновления);
- Bí mật liên lạc (тайна связи);
- Bí mật công chứng (нотариальная тайна);
- Bí mật luật sư (адвокатская тайна);
- Bí mật bảo hiểm (тайна страхования);
- Bí mật công vụ (служебная тайна);
- Bí mật bỏ phiếu (тайна голосования);
- Bí mật xưng tội (тайна исповеди);

và các loại bí mật khác.

---

## ConsultantPlus - Hỗ trợ pháp lý đáng tin cậy

Thông tin tham khảo:

"Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thông tin có quyền truy cập hạn chế"

(Tài liệu được chuẩn bị bởi các chuyên gia của ConsultantPlus)

## DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN THÔNG TIN CÓ QUYỀN TRUY CẬP HẠN CHẾ

 Liên kết:

[https://www.consultant.ru/document/cons\\_doc\\_LAW\\_93980/#dst100014](https://www.consultant.ru/document/cons_doc_LAW_93980/#dst100014)

---

## Danh mục thông tin thuộc danh mục có quyền truy cập hạn chế

Loại thông tin thuộc danh mục có quyền truy cập hạn chế	Cơ sở pháp lý xác định thông tin thuộc danh mục có quyền truy cập hạn chế
Bí mật nhà nước	Điều 5 của Luật Liên bang Nga số 5485-1 ngày 21.07.1993 "Về bí mật nhà nước"
	Sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga ngày 30.11.1995 số 1203 "Về việc phê duyệt Danh mục thông tin thuộc bí mật nhà nước"

	<b>Điều 5, 9 của Luật Liên bang Nga số 16-FZ ngày 09.02.2007 "Về an ninh giao thông"</b>
	<b>Điều 12 của Luật Liên bang Nga số 144-FZ ngày 12.08.1995 "Về hoạt động điều tra tác chiến"</b>
	<b>Điều 17, 19 của Luật Liên bang Nga số 40-FZ ngày 03.04.1995 "Về Cơ quan An ninh Liên bang"</b>
	<b>Điều 26 của Luật Liên bang Nga số 226-FZ ngày 03.07.2016 "Về Lực lượng Vệ binh Quốc gia Liên bang Nga"</b>
	<b>Điều 18 và 19 của Luật Liên bang Nga số 5-FZ ngày 10.01.1996 "Về tình báo đối ngoại"</b>
<b>Bí mật thương mại</b>	<b>Luật Liên bang Nga số 98-FZ ngày 29.07.2004 "Về bí mật thương mại"</b>
	<b>Điều 14.7 của Luật Liên bang Nga số 135-FZ ngày 26.07.2006 "Về bảo vệ cạnh tranh"</b>
	<b>Điều 12 của Luật Liên bang Nga số 335-FZ ngày 28.11.2011 "Về quan hệ đầu tư"</b>
<b>Thông tin có tính bảo mật được thu thập trong quá trình đàm phán hợp đồng với bên thứ ba</b>	<b>Điều 434.1 của Bộ luật Dân sự Liên bang Nga (phần một)</b>
<b>Thông tin có tính bảo mật khác</b>	<b>Điều 65.2 của Bộ luật Dân sự Liên bang Nga (phần một)</b>

---

## BÍ MẬT ĐỜI TƯ

Quyền bất khả xâm phạm đời tư có nghĩa là bảo vệ theo pháp luật quyền riêng tư cá nhân và gia đình.

Đảm bảo quyền bất khả xâm phạm đời tư bao gồm lệnh cấm thu thập, lưu trữ, sử dụng và phổ biến thông tin về đời tư của một cá nhân mà không có sự đồng ý của họ.

Tại Liên bang Nga, quyền bất khả xâm phạm đời tư được bảo vệ bởi **Điều 23, 24 và 25 của Hiến pháp Liên bang Nga**.

### Các văn bản quy phạm pháp luật bảo vệ quyền bất khả xâm phạm đời tư

- Luật Liên bang "Về dữ liệu cá nhân"
- Bộ luật Dân sự Liên bang Nga

### Một số hiệp ước quốc tế

- Tuyên ngôn Nhân quyền Quốc tế
- Công ước Châu Âu về bảo vệ nhân quyền và các quyền tự do cơ bản (Nga đã rút khỏi công ước vào ngày 16/02/2023 theo quyết định của Duma Quốc gia và Tổng thống Nga Vladimir Putin)
- Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị

---

### Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị

Công ước được **Đại hội đồng Liên Hợp Quốc** thông qua vào ngày **16 tháng 12 năm 1966** và có hiệu lực vào ngày **23 tháng 3 năm 1976**. Đến cuối năm 2001, công ước đã được **147 quốc gia phê chuẩn**.

### Các điều khoản quan trọng:

- **Điều 2:**  
Quyền có biện pháp pháp lý hiệu quả để bảo vệ trong trường hợp quyền bị xâm phạm, ngay cả khi vi phạm do các cá nhân hoặc cơ quan chính thức thực hiện.
- **Điều 3:**  
Quyền bình đẳng của nam và nữ trong việc hưởng mọi quyền dân sự và chính trị.
- **Điều 6:**  
Quyền sống, ân xá và giảm nhẹ hình phạt.
- **Điều 7:**  
**Tự do khỏi tra tấn, đối xử hoặc trừng phạt tàn ác, vô nhân đạo hoặc hạ nhục**



nhân phẩm.

- **Điều 8:**  
Tự do khỏi chế độ nô lệ và cưỡng bức lao động.
- **Điều 9:**  
Quyền tự do và bất khả xâm phạm thân thể, tự do khỏi việc bắt giữ hoặc giam giữ tùy tiện.
- **Điều 10:**  
Quyền được đối xử nhân đạo và tôn trọng phẩm giá con người khi bị giam giữ.
- **Điều 12:**  
Quyền tự do đi lại và lựa chọn nơi cư trú.
- **Điều 14:**  
Quyền bình đẳng trước pháp luật, **quyền được suy đoán vô tội** cho đến khi bị chứng minh có tội, và quyền được xét xử công bằng bởi một tòa án độc lập và vô tư.

---

## Các Điều Khoản Tiếp Theo trong Công Ước Quốc Tế về Các Quyền Dân Sự và Chính Trị

- **Điều 16**  
Quyền được công nhận tư cách pháp lý.
- **Điều 17**  
Quyền riêng tư và bảo vệ đời tư theo pháp luật.
- **Điều 18**  
Quyền tự do tư tưởng, lương tâm và tôn giáo.
- **Điều 19**  
Quyền tự do quan điểm và biểu đạt.
- **Điều 20**  
Cấm tuyên truyền chiến tranh hoặc kích động hận thù dân tộc, chủng tộc hoặc tôn giáo.
- **Điều 21**  
Quyền tự do hội họp ôn hòa.
- **Điều 22**  
Quyền tự do hiệp hội.


- **Điều 23**  
Quyền kết hôn và quyền thành lập gia đình.
- **Điều 24**  
Quyền của trẻ em (bao gồm tư cách pháp lý của trẻ vị thành niên, quyền công dân, đăng ký và tên).
- **Điều 25**  
Quyền tham gia vào quản lý nhà nước, quyền bầu cử và ứng cử, cũng như quyền tiếp cận các cơ quan công quyền.
- **Điều 26**  
Quyền bình đẳng trước pháp luật và được bảo vệ bình đẳng theo pháp luật.
- **Điều 27**  
Quyền của các dân tộc thiểu số về sắc tộc, tôn giáo và ngôn ngữ được hưởng nền văn hóa riêng, thực hành tôn giáo và thực hiện nghi lễ của họ, cũng như sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ của họ.

---

## BÍ MẬT NGÂN HÀNG

Các đối tượng chính thuộc phạm vi bí mật ngân hàng bao gồm:

- Bí mật về tài khoản ngân hàng,
- Bí mật về các giao dịch trên tài khoản ngân hàng,
- Bí mật về tiền gửi ngân hàng,
- Bí mật về đời tư của khách hàng.

 **Luật Liên bang Nga số 395-1 ngày 02.12.1990**  
"Về ngân hàng và hoạt động ngân hàng"

 **Điều 26 – Bí mật ngân hàng**

---

## BÍ MẬT Y TẾ

**Bí mật y tế** (*Врачебная тайна*) – là tất cả thông tin liên quan đến việc công dân tìm kiếm sự trợ giúp y tế, tình trạng sức khỏe của họ, chẩn đoán bệnh và các dữ liệu khác thu được trong quá trình khám và điều trị.

Việc tuân thủ bí mật y tế cũng áp dụng cho tất cả những người biết được thông tin này trong các trường hợp do pháp luật quy định.

**Quy định pháp lý chính trong luật pháp Nga điều chỉnh bí mật y tế:**

## Luật Liên bang Nga số 323-FZ ngày 21.11.2011

"Về những nguyên tắc cơ bản trong việc bảo vệ sức khỏe của công dân tại Liên bang Nga."

### Điều 13 – Tuân thủ bí mật y tế

---

#### Список изменяющих документов

(в ред. Федеральных законов от 21.11.2011 N 323-ФЗ (ред. 14.12.2015), от 25.06.2012 N 89-ФЗ, от 25.06.2012 N 93-ФЗ, от 02.07.2013 N 167-ФЗ, от 02.07.2013 N 185-ФЗ, от 23.07.2013 N 205-ФЗ, от 27.09.2013 N 253-ФЗ, от 25.11.2013 N 317-ФЗ, от 28.12.2013 N 386-ФЗ, от 04.06.2014 N 145-ФЗ, от 21.07.2014 N 205-ФЗ, от 21.07.2014 N 243-ФЗ, от 21.07.2014 N 246-ФЗ, от 21.07.2014 N 256-ФЗ, от 22.10.2014 N 314-ФЗ, от 01.12.2014 N 418-ФЗ, от 01.12.2014 N 419-ФЗ, от 31.12.2014 N 519-ФЗ, от 31.12.2014 N 532-ФЗ, от 08.03.2015 N 33-ФЗ, от 08.03.2015 N 55-ФЗ, от 06.04.2015 N 78-ФЗ, от 29.06.2015 N 160-ФЗ, от 13.07.2015 N 213-ФЗ, от 13.07.2015 N 230-ФЗ, от 13.07.2015 N 233-ФЗ, от 13.07.2015 N 271-ФЗ, от 14.12.2015 N 374-ФЗ, от 29.12.2015 N 389-ФЗ, от 29.12.2015 N 408-ФЗ, от 05.04.2016 N 93-ФЗ, от 26.04.2016 N 112-ФЗ, от 03.07.2016 N 286-ФЗ, от 03.04.2017 N 61-ФЗ, от 01.05.2017 N 86-ФЗ, от 01.07.2017 N 154-ФЗ, от 29.07.2017 N 216-ФЗ, от 29.07.2017 N 242-ФЗ, от 05.12.2017 N 373-ФЗ, от 05.12.2017 N 392-ФЗ, от 29.12.2017 N 465-ФЗ, от 07.03.2018 N 56-ФЗ, от 19.07.2018 N 208-ФЗ, от 03.08.2018 N 299-ФЗ, от 03.08.2018 N 309-ФЗ, от 03.08.2018 N 323-ФЗ, от 25.12.2018 N 489-ФЗ, от 27.12.2018 N 511-ФЗ, от 06.03.2019 N 18-ФЗ, от 29.05.2019 N 119-ФЗ, от 02.12.2019 N 399-ФЗ, от 27.12.2019 N 452-ФЗ, от 27.12.2019 N 478-ФЗ, от 27.12.2019 N 481-ФЗ, от 27.12.2019 N 518-ФЗ, от 26.03.2020 N 67-ФЗ, от 01.04.2020 N 93-ФЗ, от 01.04.2020 N 98-ФЗ, от 24.04.2020 N 147-ФЗ, от 08.06.2020 N 166-ФЗ, от 13.07.2020 N 206-ФЗ, от 31.07.2020 N 271-ФЗ, от 31.07.2020 N 303-ФЗ, от 08.12.2020 N 429-ФЗ, от 22.12.2020 N 438-ФЗ, от 30.04.2021 N 126-ФЗ (ред. 26.05.2021), от 30.04.2021 N 128-ФЗ, от 30.04.2021 N 129-ФЗ, от 30.04.2021 N 131-ФЗ, от 26.05.2021 N 152-ФЗ, от 11.06.2021 N 170-ФЗ, от 02.07.2021 N 312-ФЗ, от 02.07.2021 N 313-ФЗ, от 02.07.2021 N 314-ФЗ, от 02.07.2021 N 315-ФЗ, от 02.07.2021 N 331-ФЗ, от 02.07.2021 N 358-ФЗ, от 30.12.2021 N 482-ФЗ, от 08.03.2022 N 46-ФЗ, от 26.03.2022 N 64-ФЗ, от 01.05.2022 N 129-ФЗ, от 11.06.2022 N 166-ФЗ, от 14.07.2022 N 271-ФЗ, от 14.07.2022 N 275-ФЗ, от 14.07.2022 N 317-ФЗ, от 05.12.2022 N 469-ФЗ, от 19.12.2022 N 538-ФЗ, от 28.12.2022 N 569-ФЗ, от 29.12.2022 N 629-ФЗ, от 14.04.2023 N 135-ФЗ, от 28.04.2023 N 174-ФЗ, от 13.06.2023 N 256-ФЗ, от 24.07.2023 N 386-ФЗ, от 04.08.2023 N 462-ФЗ, от 04.08.2023 N 464-ФЗ, от 04.08.2023 N 469-ФЗ, от 25.12.2023 N 625-ФЗ, от 25.12.2023 N 635-ФЗ, от 25.12.2023 N 678-ФЗ, от 08.08.2024 N 232-ФЗ, от 08.08.2024 N 290-ФЗ, от 08.08.2024 N 323-ФЗ, от 28.12.2024 N 554-ФЗ,  
с изм., внесенными Постановлениями КС РФ от 13.01.2020 N 1-П,  
от 13.07.2022 N 31-П, от 26.09.2024 N 41-П)

---

## BÍ MẬT NHẬN CON NUÔI

- ♦ Được bảo vệ theo luật pháp theo Điều 139 của Bộ luật Gia đình Liên bang Nga

### Điều 139. Bí mật nhận con nuôi

Bí mật nhận con nuôi phải được bảo vệ chỉ khi có yêu cầu từ chính cha mẹ nuôi và chủ yếu áp dụng trong trường hợp nhận nuôi trẻ sơ sinh hoặc trẻ vị thành niên.

Để bảo vệ bí mật nhận con nuôi, theo yêu cầu của cha mẹ nuôi, có thể thay đổi nơi sinh và ngày sinh của trẻ, nhưng không quá 3 tháng so với thực tế.

### Trách nhiệm hình sự đối với việc tiết lộ bí mật nhận con nuôi

Việc tiết lộ bí mật nhận con nuôi trái với ý muốn của cha mẹ nuôi có thể dẫn đến hình phạt hành chính, lao động cải tạo hoặc các hình thức xử phạt hình sự khác theo Điều 155 của Bộ luật Hình sự Liên bang Nga.

---

## BÍ MẬT THÔNG TIN LIÊN LẠC

Ở Liên bang Nga, bí mật thông tin liên lạc được Hiến pháp Liên bang Nga bảo đảm. Điều 23, phần 2:

*"Mọi người đều có quyền bảo mật thư từ, đàm thoại qua điện thoại, thư tín, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin khác. Việc hạn chế quyền này chỉ được phép trên cơ sở quyết định của tòa án."*

Tất cả các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông theo luật pháp có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp bảo vệ bí mật thông tin liên lạc (Luật Liên bang Nga "Về viễn thông" số 126-ФЗ ngày 07.07.2003).

### Điều 63. Bí mật thông tin liên lạc

**Điều 64.** (được sửa đổi theo Luật Liên bang ngày 09.03.2021 N 44-ФЗ)

Nghĩa vụ của các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông và việc hạn chế quyền của người dùng đối với dịch vụ viễn thông trong quá trình tiến hành các hoạt động điều tra – tìm kiếm, các biện pháp đảm bảo an ninh quốc gia của Liên bang Nga, thực hiện các hoạt động điều tra, cũng như bảo vệ người bị giam giữ, những người bị tình nghi hoặc bị buộc tội thực hiện tội phạm, bao gồm cả việc áp dụng hình phạt hình sự dưới dạng tước quyền tự do.

Việc vi phạm bí mật thông tin liên lạc ở Liên bang Nga có thể dẫn đến trách nhiệm hình sự (Điều 138 Bộ luật Hình sự Liên bang Nga). Ngoài ra, trách nhiệm dân sự cũng có thể được áp dụng nếu vi phạm bí mật thông tin liên lạc gây ra thiệt hại về vật chất hoặc tổn thất tinh thần.

---

## BÍ MẬT THUẾ

**Bí mật thuế** – là quyền của người nộp thuế đối với việc không bị tiết lộ thông tin do cơ quan thuế cung cấp, được bảo đảm theo **Điều 102 Bộ luật Thuế**.

### Điều 102. Bí mật thuế

Bí mật thuế bao gồm bất kỳ thông tin nào do cơ quan thuế, cơ quan quỹ nhà nước ngoài ngân sách hoặc cơ quan hải quan nhận được liên quan đến người nộp thuế, ngoại trừ một số trường hợp ngoại lệ.

Hành vi tiết lộ bí mật thuế bao gồm, đặc biệt là:

- Việc sử dụng hoặc chuyển giao cho bên thứ ba những thông tin cấu thành **bí mật thương mại** (*bí mật sản xuất*) của người nộp thuế, người nộp thuế bảo hiểm, cũng như thông tin về nhân viên của cơ quan thuế, cơ quan nội vụ, cơ quan điều tra, cơ quan quỹ nhà nước ngoài ngân sách hoặc cơ quan hải quan, các chuyên gia và giám định viên khi thực hiện nhiệm vụ của họ.

---

## BÍ MẬT CÔNG CHỨNG

**Bí mật công chứng** (bí mật của các hành động công chứng) – là một dạng bí mật nghề nghiệp.

*"Cơ sở pháp lý của Liên bang Nga về công chứng"* (**được thông qua bởi Tòa án Tối cao Liên bang Nga ngày 11.02.1993, số 4462-1**) (sửa đổi ngày 28.12.2022, có hiệu lực từ ngày 11.01.2023).

### Điều 5. Đảm bảo hoạt động công chứng

Công chứng viên khi thực hiện nhiệm vụ, người tạm thời thay thế công chứng viên, cũng như những người làm việc tại văn phòng công chứng, bị cấm tiết lộ thông tin hoặc tài liệu mà họ biết được liên quan đến các hành động công chứng, bao gồm cả trong và sau khi hết nhiệm kỳ hoặc nghỉ việc, trừ các trường hợp được quy định trong luật này.

### Điều 16. Nghĩa vụ của công chứng viên

Công chứng viên có nghĩa vụ giữ bí mật các thông tin mà họ biết được trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp. Công chứng viên không thể được miễn trách nhiệm bảo mật ngay cả khi có khởi tố hình sự chống lại họ liên quan đến hành động công chứng đã thực hiện.

---

## BÍ MẬT LUẬT SƯ

## **Điều 8. Bí mật luật sư**

1. **Bí mật luật sư** bao gồm tất cả các thông tin liên quan đến việc luật sư cung cấp hỗ trợ pháp lý cho thân chủ của mình.
2. Luật sư không thể bị triệu tập hoặc thẩm vấn với tư cách nhân chứng về các tình huống liên quan đến thân chủ của mình trong quá trình nhận và cung cấp hỗ trợ pháp lý.
3. Việc thực hiện các biện pháp điều tra hoặc tố tụng đối với luật sư (bao gồm cả trong nhà riêng và văn phòng làm việc của họ) chỉ được phép dựa trên quyết định của tòa án.

## **Quy tắc bảo vệ bí mật nghề nghiệp áp dụng cho:**

- Việc liên hệ với luật sư, bao gồm cả tên và danh tính của thân chủ;
- Toàn bộ bằng chứng và tài liệu do luật sư thu thập hoặc chuẩn bị cho vụ án;
- Thông tin được luật sư cung cấp cho thân chủ trong quá trình hỗ trợ pháp lý;
- Nội dung tư vấn pháp lý và các thông tin trực tiếp được trao đổi giữa thân chủ và luật sư;
- Tất cả tài liệu liên quan đến vụ án;
- Điều khoản của thỏa thuận về cung cấp dịch vụ pháp lý, bao gồm cả thanh toán phí dịch vụ;
- Bất kỳ thông tin nào khác liên quan đến việc luật sư cung cấp hỗ trợ pháp lý.

---

## **BÍ MẬT BẢO HIỂM**

**Bí mật bảo hiểm** là một dạng bí mật nghề nghiệp và cũng là **bí mật thương mại**.

Theo **Điều 946 Bộ luật Dân sự Liên bang Nga**:

### **Điều 946. Bí mật bảo hiểm**

Công ty bảo hiểm không được tiết lộ các thông tin thu nhận được trong quá trình hoạt động chuyên môn của mình về **bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, người thụ hưởng, tình trạng sức khỏe của họ**, cũng như tình hình tài chính của những người này.

Vi phạm **bí mật bảo hiểm**, công ty bảo hiểm sẽ phải chịu trách nhiệm theo các quy định của **Bộ luật Dân sự Liên bang Nga về bí mật nghề nghiệp và bí mật thương mại**.

Ngoài ra, nghĩa vụ bảo mật này cũng áp dụng cho **nhân viên** của công ty bảo hiểm nếu họ tiết lộ thông tin **trái với hợp đồng lao động**, cũng như đối với **đối tác kinh doanh** nếu họ tiết lộ thông tin **trái với hợp đồng dân sự**.

---

## BÍ MẬT BỎ PHIẾU

**Nguyên tắc bỏ phiếu kín là nguyên tắc hiến pháp**, bảo đảm cho công dân Liên bang Nga quyền giữ bí mật về lựa chọn của họ khi bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử vào cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương và trưng cầu dân ý.

**Luật Liên bang số 67-ФЗ ngày 12.06.2002** (sửa đổi ngày 28.12.2022)

*"Về các đảm bảo quyền bầu cử và quyền tham gia trưng cầu dân ý của công dân Liên bang Nga"*

### Điều 7. Bỏ phiếu kín

Việc bỏ phiếu trong **bầu cử và trưng cầu dân ý là bí mật**, không cho phép bất kỳ hình thức kiểm soát nào đối với quyết định của cử tri.

Vi phạm nguyên tắc **bí mật bỏ phiếu** bởi **thành viên ủy ban bầu cử, ủy ban trưng cầu dân ý hoặc quan chức nhà nước** sẽ dẫn đến **trách nhiệm hình sự và hành chính** đối với người vi phạm.

---

## BÍ MẬT GIẢI TỘI

**Bí mật giải tội** là một dạng bí mật được pháp luật bảo vệ độc lập, và là một trong những đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng.

**Luật Liên bang số 125-ФЗ ngày 26.09.1997** (sửa đổi ngày 29.12.2022)

*"Về quyền tự do lương tâm và các tổ chức tôn giáo"*

### Điều 3. Quyền tự do lương tâm và tự do tín ngưỡng

Theo **Khoản 7, Điều 3 của Luật số 125-ФЗ**, **bí mật giải tội** được bảo vệ bởi pháp luật. Linh mục không thể bị buộc chịu trách nhiệm nếu từ chối cung cấp lời khai về những tình huống mà họ biết được từ việc giải tội.

Theo **Bộ luật Tổ tụng Dân sự Liên bang Nga (Điều 3, Khoản 4, Điều 69)**:

**Linh mục không thể bị triệu tập để làm chứng về các tình huống mà họ biết được từ việc giải tội.**

---

## BÍ MẬT CÔNG VỤ

Không có định nghĩa rõ ràng về khái niệm **"bí mật công vụ"** trong pháp luật hiện hành của Liên bang Nga. Bí mật công vụ được xem là một trong những đối tượng của quyền dân sự theo luật dân sự của Liên bang Nga.

Bí mật công vụ – là thông tin có **hạn chế quyền truy cập**, ngoại trừ những dữ liệu được phân loại là **bí mật nhà nước** hoặc **dữ liệu cá nhân (РДН)**, được lưu trữ trong **các nguồn**

**thông tin nhà nước (hoặc địa phương), được tích lũy trên cơ sở ngân sách nhà nước hoặc địa phương, và thuộc sở hữu của nhà nước, với quyền bảo vệ được thực thi vì lợi ích của nhà nước.**

**Điều 139 Bộ luật Dân sự Liên bang Nga (Bí mật công vụ và thương mại)** quy định rằng thông tin được xem là **bí mật công vụ** nếu nó có giá trị thương mại do không được bên thứ ba biết đến.

**Lưu ý: Luật Liên bang số 98-ФЗ ngày 29.12.2004** đã bãi bỏ quy định về điều khoản này trong Bộ luật Dân sự Liên bang Nga kể từ **01.01.2005**.

### **Quy định về bảo vệ bí mật công vụ:**

1. **Thông tin được coi là bí mật công vụ hoặc thương mại nếu có giá trị thương mại** do không được bên thứ ba biết đến và có biện pháp bảo vệ hợp pháp. Nếu thông tin mất tính bảo mật hoặc không còn giá trị thương mại, nó không còn được coi là bí mật công vụ.
2. **Thông tin thuộc bí mật công vụ hoặc thương mại được bảo vệ bằng các biện pháp pháp lý.**
3. **Những cá nhân đã tiếp cận thông tin được phân loại là bí mật công vụ hoặc thương mại do yêu cầu công việc, nhưng vi phạm nghĩa vụ bảo mật theo hợp đồng lao động hoặc dân sự, sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.**

---

## **Luật Liên bang "Về Quốc phòng"**

**Số 61-ФЗ ngày 31.05.1996 (sửa đổi ngày 04.11.2022)**

### **Điều 3.1. BÍ MẬT CÔNG VỤ TRONG LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG**

*(Được bổ sung theo Luật Liên bang số 172-ФЗ ngày 11.06.2021)*

1. **Bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng bao gồm các thông tin phát sinh trong quá trình thực hiện quyền hạn của cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương, tổ chức và cơ quan khi triển khai các hoạt động quốc phòng, nếu việc tiết lộ các thông tin này có thể gây thiệt hại đến quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.**
2. **Danh mục thông tin được phân loại là bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng, ngoại trừ bí mật nhà nước và các thông tin công khai về các hoạt động quốc phòng, được quy định theo Điều 2 của luật này.**
3. **Quyền xác định thông tin thuộc bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng thuộc về các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Các tiêu chí phân loại thông tin vào danh mục này do Chính phủ Liên bang Nga xác định. Danh mục này được công bố**



**công khai**, ngoại trừ các thông tin có dấu mật.

- Việc lưu trữ, bảo vệ và sử dụng **bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng** phải tuân thủ quy định do **Chính phủ Liên bang Nga** ban hành.
- Cá nhân **cố ý tiết lộ thông tin** thuộc phạm vi **bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng**, nếu được tiếp cận thông tin này trong **quá trình công tác hoặc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn**, sẽ phải **chịu trách nhiệm** theo quy định của pháp luật Liên bang Nga.

---

## **Danh mục thông tin của Lực lượng Vũ trang Liên bang Nga được phân loại là bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng**

**Lệnh của Bộ trưởng Quốc phòng Liên bang Nga ngày 17 tháng 1 năm 2022, số 22**  
*"Về việc phê duyệt Danh mục thông tin của Lực lượng Vũ trang Liên bang Nga được phân loại là bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng"*

**I. Thông tin về dự báo và đánh giá nguy cơ quân sự và mối đe dọa quân sự.**

**II. Thông tin về việc phát triển các định hướng chính của chính sách quân sự và các quy định trong học thuyết quân sự của Liên bang Nga.**

**III. Thông tin về quy định pháp lý trong lĩnh vực quốc phòng.**

**IV. Thông tin về xây dựng, chuẩn bị và duy trì lực lượng sẵn sàng chiến đấu cần thiết của Lực lượng Vũ trang Liên bang Nga, cũng như kế hoạch sử dụng lực lượng này.**

**V. Thông tin về phát triển, sản xuất và cải tiến hệ thống quản lý của Lực lượng Vũ trang Liên bang Nga, vũ khí và trang thiết bị quân sự, cũng như việc tạo dựng kho dự trữ.**

**VI. Thông tin về hợp tác trong lĩnh vực lập kế hoạch, chuẩn bị và triển khai các cơ quan nhà nước của Liên bang Nga, các cơ quan chính quyền khu vực và chính quyền địa phương để hoạt động trong điều kiện thời chiến.**

**VII. Thông tin về hợp tác của Lực lượng Vũ trang Liên bang Nga với các cơ quan nhà nước của Liên bang Nga, các cơ quan chính quyền khu vực, chính quyền địa phương và các tổ chức khác trong công tác chuẩn bị huy động, bất kể hình thức sở hữu, phương tiện giao thông, hệ thống liên lạc và dân số của đất nước.**

**VIII. Thông tin về việc thành lập các kho dự trữ vật chất của nhà nước, bao gồm cả dự trữ vật chất di động (trong các kho dự trữ của nhà nước) và dự trữ phi di động dành cho nhu cầu quốc phòng của Liên bang Nga.**

**IX. Thông tin về kế hoạch và thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự và bảo vệ lãnh thổ.**

X. Thông tin về việc bố trí cơ sở hạ tầng quốc phòng trên lãnh thổ Liên bang Nga nhằm phục vụ mục đích phòng thủ.

XI. Thông tin về đảm bảo bảo vệ dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước và bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng.

XII. Thông tin về phát triển khoa học vì lợi ích quốc phòng.

XIII. Thông tin về sự phối hợp hoạt động của các cơ quan nhà nước Liên bang Nga, chính quyền khu vực và chính quyền địa phương trong lĩnh vực quốc phòng.

XIV. Thông tin về tài trợ chi tiêu quốc phòng, kiểm soát việc sử dụng kinh phí dành cho quốc phòng và hoạt động của Lực lượng Vũ trang Liên bang Nga theo quy định của pháp luật Liên bang Nga.

XV. Thông tin về hợp tác quốc tế nhằm đảm bảo an ninh tập thể và quốc phòng chung.

XVI. Thông tin về các hoạt động khác trong lĩnh vực quốc phòng.

 [Nguồn tài liệu gốc](#)

---

## Quy tắc xử lý thông tin thuộc phạm vi bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng

**PHÊ DUYỆT** theo nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 2052 ngày 26 tháng 11 năm 2021

 [Xem tài liệu gốc](#)

1.

Quy tắc này quy định **trình tự xử lý tài liệu và các phương tiện vật lý chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng**, do các cơ quan nhà nước Liên bang Nga, cơ quan chính quyền khu vực, chính quyền địa phương và các tổ chức xây dựng hoặc nhận được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng.

**!** Quy tắc này không áp dụng đối với tài liệu chứa bí mật nhà nước.


2.

Tất cả các tài liệu chứa **thông tin thuộc phạm vi bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng** phải được đóng dấu:

### **"Chỉ dành cho sử dụng nội bộ"**

(kèm theo tham chiếu đến điều khoản liên quan trong danh mục tài liệu được phân loại).

Việc thiết lập danh mục tài liệu này thuộc trách nhiệm của **cơ quan nhà nước có thẩm quyền**.

 **Dấu xác nhận** phải được đóng ở góc trên của **trang đầu tiên** của tài liệu và trên **trang đầu tiên của thư đi kèm** với tài liệu đó.


### **3.**

Người đứng đầu **cơ quan hành pháp liên bang** và **các cơ quan nhà nước liên bang có quân đội** có trách nhiệm, trong phạm vi thẩm quyền của mình, xác định:


- Các biện pháp bảo vệ, quy trình xử lý và danh mục thông tin thuộc phạm vi **bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng**;
- Quy tắc chuyển giao thông tin thuộc phạm vi **bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng** giữa các **cơ quan nhà nước Liên bang Nga, chính quyền khu vực và địa phương**, cũng như các **tổ chức**.
- Quy tắc chia sẻ thông tin với **các cơ quan nhà nước nước ngoài và tổ chức quốc tế**.


### **4.**


 Cá nhân có quyền tiếp cận **bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng** không được **tiết lộ hoặc truyền tải thông tin này** nếu không có sự cho phép hợp pháp.

 Cá nhân để mất hoặc tiết lộ **bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng** sẽ bị xử lý **theo quy định của pháp luật**.


### **5.**

 Không được sao chép, nhân bản hoặc số hóa thông tin thuộc phạm vi **bí mật công vụ** nếu không có sự phê duyệt chính thức từ lãnh đạo tổ chức.

 Việc trao đổi thông tin thuộc phạm vi **bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng** giữa các đơn vị phải **tuân theo quy trình bảo mật nghiêm ngặt**.


 Thông tin này **không được phép phổ biến ra bên ngoài hoặc cung cấp cho bên thứ ba** nếu không có sự đồng ý của lãnh đạo cấp cao.

### **6.**

 Việc truy cập tài liệu chứa thông tin **bí mật công vụ** phải được thực hiện tại **phòng lưu trữ bảo mật** theo quy trình nội bộ.


 Cá nhân có quyền tiếp cận tài liệu này **phải ký xác nhận về việc tiếp nhận thông tin bí mật**.

7.

 Việc hủy bỏ hoặc xóa thông tin thuộc phạm vi bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng phải được phê duyệt bởi lãnh đạo tổ chức.

 Các tài liệu không còn giá trị sử dụng phải được tiêu hủy theo quy định bảo mật.

8.

 Việc đăng ký, lưu trữ và kiểm soát tài liệu thuộc phạm vi bí mật công vụ trong lĩnh vực quốc phòng phải được thực hiện nghiêm ngặt.

 Tất cả các tài liệu thuộc danh mục này phải có dấu bảo mật phù hợp.


 Bản gốc các tài liệu quan trọng phải được lưu trữ trong két an toàn hoặc tủ hồ sơ bảo mật.

---

## Danh mục thông tin trong lĩnh vực quân sự và hoạt động kỹ thuật-quân sự của Liên bang Nga

Những thông tin này, nếu bị tiếp cận bởi các quốc gia nước ngoài, tổ chức nhà nước, tổ chức quốc tế, công dân nước ngoài hoặc cá nhân không quốc tịch, có thể bị sử dụng để chống lại an ninh của Liên bang Nga.

 Lệnh của Cơ quan An ninh Liên bang Nga (FSB) số 379 ngày 28.09.2021 – ĐÃ HẾT HIỆU LỰC.

 Lệnh FSB Nga số 547 ngày 4 tháng 11 năm 2022

*"Về việc phê duyệt danh mục thông tin trong lĩnh vực quân sự và hoạt động kỹ thuật-quân sự của Liên bang Nga, mà nếu bị tiếp cận bởi các nguồn nước ngoài, có thể bị sử dụng chống lại an ninh của Liên bang Nga."*

**I. Thông tin trong lĩnh vực hoạt động quân sự của Liên bang Nga, không chứa bí mật nhà nước.**

**II. Thông tin trong lĩnh vực hoạt động kỹ thuật-quân sự của Liên bang Nga, không chứa bí mật nhà nước.**

 [Nguồn tài liệu gốc](#)

---

## Phần 2

# TÀI LIỆU NHÀ NƯỚC

## HIẾN PHÁP LIÊN BANG NGA (12.12.1993)

- Điều 23 – Mọi người có quyền về bí mật cá nhân và gia đình, bí mật thư tín, đàm thoại điện thoại, thư từ, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin khác.
- Điều 29 – Mọi người có quyền tự do tìm kiếm, nhận, truyền tải, sản xuất và phổ biến thông tin bằng mọi cách hợp pháp.
- Điều 41 – Bảo đảm quyền được biết về các sự kiện và hoàn cảnh có thể đe dọa tính mạng và sức khỏe của con người.
- Điều 42 – Quyền được tiếp cận thông tin chính xác về tình trạng môi trường.

Dưới đây là bản dịch chính xác nội dung từ tiếng Nga sang tiếng Việt:

Dưới đây là bản dịch chính xác nội dung từ tiếng Nga sang tiếng Việt:

---

## BỘ LUẬT

**Bộ luật** (tiếng Latinh: *codex – quyển sách*) là **văn bản lập pháp**, trong đó chứa các **quy phạm hệ thống hóa** của một hoặc nhiều lĩnh vực pháp luật. Cấu trúc của bộ luật thường phản ánh hệ thống của lĩnh vực pháp luật đó.

- [Гражданский кодекс Российской Федерации](#) (ГК РФ)
- [Трудовой кодекс Российской Федерации](#) (ТК РФ)
- [Налоговый кодекс Российской Федерации](#) (НК РФ)
- [Кодекс об административных правонарушениях Российской Федерации](#) (КоАП РФ)
- [Уголовный кодекс Российской Федерации](#) (УК РФ)
- [Гражданский процессуальный кодекс Российской Федерации](#) (ГПК РФ)
- [Уголовно-процессуальный кодекс Российской Федерации](#) (УПК РФ)
- [Арбитражный процессуальный кодекс Российской Федерации](#) (АПК РФ)
- [Земельный кодекс Российской Федерации](#)
- [Жилищный кодекс Российской Федерации](#) (ЖК РФ)
- [Семейный кодекс Российской Федерации](#) (СК РФ)
- [Бюджетный кодекс Российской Федерации](#)
- [Градостроительный кодекс Российской Федерации](#)
- [Таможенный кодекс Таможенного союза Российской Федерации](#)
- [Кодекс административного судопроизводства Российской Федерации](#) (КАС РФ)
- [Уголовно-исполнительный кодекс Российской Федерации](#) (УИК РФ)

- [Лесной кодекс Российской Федерации](#)
- [Водный кодекс Российской Федерации](#)
- [Воздушный кодекс Российской Федерации](#)
- [Кодекс торгового мореплавания Российской Федерации](#)
- [Кодекс внутреннего водного транспорта Российской Федерации](#)
- 

ГАРАНТ.РУ: <http://www.garant.ru/doc/main/#ixzz6FjogGaLK>

---

## BỘ LUẬT HÌNH SỰ LIÊN BANG NGA

Bộ luật Hình sự Liên bang Nga (sửa đổi ngày 27.07.2012)

### Chương 28 "Tội phạm trong lĩnh vực thông tin máy tính"

#### Điều 272

##### Truy cập trái phép vào thông tin máy tính

- Truy cập trái phép vào thông tin máy tính được bảo vệ theo pháp luật được hiểu là hành vi truy cập dẫn đến hủy hoại, chặn, sửa đổi hoặc sao chép trái phép thông tin máy tính.

#### Điều 273

##### Tạo, sử dụng và phát tán phần mềm độc hại

- Hành vi hình sự bao gồm việc tạo, phát tán hoặc sử dụng các chương trình máy tính hoặc thông tin máy tính khác được cố ý thiết kế để:
  - Phá hủy trái phép,
  - Chặn,
  - Sửa đổi,
  - Sao chép thông tin máy tính,
  - Vô hiệu hóa các biện pháp bảo vệ thông tin máy tính.

#### Điều 274

##### Vi phạm quy tắc vận hành phương tiện lưu trữ, xử lý hoặc truyền tải thông tin máy tính và mạng viễn thông-thông tin

- Vi phạm quy tắc vận hành phương tiện lưu trữ, xử lý hoặc truyền tải thông tin máy tính được bảo vệ theo pháp luật, hoặc vi phạm quy tắc truy cập vào mạng viễn thông-thông tin và thiết bị đầu cuối, sẽ bị xem xét nếu hành vi vi phạm dẫn đến:

- Hủy hoại,
- Chặn,
- Sửa đổi,
- Sao chép thông tin máy tính,
- Gây thiệt hại lớn.

## **Điều 138**

**Vi phạm bí mật thư tín, đàm thoại điện thoại, thư tín bưu điện, điện tín hoặc các hình thức trao đổi thông tin khác của công dân.**

## **Điều 183**

**Thu thập và tiết lộ trái phép thông tin thuộc bí mật thương mại, thuế hoặc ngân hàng.**

- **Thu thập thông tin thuộc bí mật thương mại, thuế hoặc ngân hàng bằng các phương pháp bất hợp pháp như:**
  - **Đánh cắp tài liệu,**
  - **Hối lộ,**
  - **Đe dọa,**
  - **Hoặc các phương thức bất hợp pháp khác.**
- **Tiết lộ hoặc sử dụng trái phép thông tin thuộc bí mật thương mại, thuế hoặc ngân hàng mà không có sự đồng ý của chủ sở hữu, bởi:**
  - **Người được giao trách nhiệm bảo mật thông tin, hoặc**
  - **Người biết được thông tin này trong quá trình công tác hoặc làm việc.**

---

# **Bộ luật Liên bang Nga về vi phạm hành chính**

## **Chương 13**

**Vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông và thông tin**

- **Điều 13.11 – Vi phạm quy định pháp luật về thu thập, lưu trữ, sử dụng hoặc phát tán thông tin cá nhân của công dân (*dữ liệu cá nhân*).**
- **Điều 13.12 – Vi phạm quy tắc bảo vệ thông tin.**
- **Điều 13.13 – Hoạt động bất hợp pháp trong lĩnh vực bảo vệ thông tin.**
- **Điều 13.14 – Tiết lộ thông tin có hạn chế quyền truy cập.**

---

## Luật liên bang về bảo vệ thông tin

- Luật Liên bang Nga số 5485-1 ngày 21.07.1993 – "Về bí mật nhà nước".
  - Luật Liên bang Nga số 98-ФЗ ngày 29.07.2004 – "Về bí mật thương mại".
  - Luật Liên bang Nga số 149-ФЗ ngày 27.07.2006 – "Về thông tin, công nghệ thông tin và bảo vệ thông tin".
  - Luật Liên bang Nga số 152-ФЗ ngày 26.07.2006 – "Về dữ liệu cá nhân".
  - Luật Liên bang Nga số 8-ФЗ ngày 09.02.2009 – "Về đảm bảo quyền tiếp cận thông tin về hoạt động của các cơ quan nhà nước và chính quyền địa phương".
  - Luật Liên bang Nga số 390-ФЗ ngày 28.12.2010 – "Về an ninh".
  - Luật Liên bang Nga số 63-ФЗ ngày 06.04.2011 – "Về chữ ký điện tử".
  - Luật Liên bang Nga số 99-ФЗ ngày 04.05.2011 – "Về cấp phép một số loại hình hoạt động".
- 

## Sắc lệnh và chỉ thị của Tổng thống Liên bang Nga về bảo vệ thông tin

- Sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga số 1085 ngày 16.08.2004 – "Về các vấn đề của Cơ quan Liên bang về Kiểm soát Kỹ thuật và Xuất khẩu". Quy chế về Cơ quan Liên bang về Kiểm soát Kỹ thuật và Xuất khẩu.
- Sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga số 1203 ngày 30.11.1995 – "Về việc phê duyệt danh mục thông tin được phân loại là bí mật nhà nước".  
(Sắc lệnh này đã được sửa đổi và bổ sung qua nhiều năm với các nghị định kèm theo).
- Sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga số 188 ngày 06.03.1997 – "Về việc phê duyệt danh mục thông tin có tính chất bảo mật".
- Sắc lệnh của Tổng thống Liên bang Nga số 351 ngày 17.03.2008 – "Về các biện pháp đảm bảo an ninh thông tin của Liên bang Nga khi sử dụng mạng viễn thông-thông tin trong trao đổi thông tin quốc tế".

[QT 24.01.1998 № 61](#), [QT 06.06.2001 № 659](#), [QT 10.09.2001 № 1114](#), [QT 29.05.2002 № 518](#), [QT 03.03.2005 № 243](#), [QT 11.02.2006 № 90](#), [QT 24.12.2007 № 1745](#), [QT 08.04.2008 № 460](#), [QT 30.04.2008 № 654](#), [QT 28.07.2008 № 1129](#), [QT 06.09.2008 № 1316](#), [QT 18.05.2009 № 565](#), [QT 10.06.2009 № 640](#), [QT 30.09.2009 № 1088](#), [QT 10.12.2010 № 1529](#), [QT 08.04.2011 № 421](#), [QT 11.06.2011 № 787](#), [QT 21.09.2011 № 1222](#), [QT 19.03.2013 № 214](#), [QT 26.09.2013 № 730](#), [QT 22.05.2014 № 355](#), [QT 27.06.2014 № 478](#), [QT 01.09.2014 № 595](#), [QT 03.10.2014 № 653](#), [QT 28.05.2015 № 273](#), [QT 28.02.2016 № 90](#), [QT 10.10.2016 № 536](#), [QT 22.11.2016 № 614](#), [QT 30.11.2016 № 635](#), [QT 17.04.2017 № 169](#), [QT 05.07.2017 № 308](#), [QT 05.10.2017 № 466](#), [QT 22.12.2017 № 621](#), [QT 01.01.2018 № 5](#), [QT 02.03.2018 № 98](#), [QT 03.09.2018 № 506](#), [QT 14.01.2019 № 6](#), [QT 08.08.2019 № 372](#))



---

## **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga về bảo vệ thông tin kỹ thuật**

- **Nghị định của Hội đồng Bộ trưởng - Chính phủ Liên bang Nga số 912-51 ngày 15.09.1993** – *"Quy chế về hệ thống bảo vệ thông tin nhà nước tại Liên bang Nga khỏi các hoạt động tình báo kỹ thuật nước ngoài và rò rỉ thông tin qua các kênh kỹ thuật"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 1233 ngày 03.10.1994** – *"Về việc phê duyệt quy định về quy trình xử lý thông tin công vụ có quyền truy cập hạn chế và phổ biến hạn chế trong các cơ quan hành pháp liên bang và cơ quan được ủy quyền quản lý năng lượng nguyên tử"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 333 ngày 15.04.1995** – *"Về việc cấp phép hoạt động cho các doanh nghiệp, tổ chức thực hiện nghiên cứu và các công việc khác liên quan đến thông tin có quyền truy cập hạn chế, phát triển các biện pháp bảo vệ thông tin, cũng như thực hiện các biện pháp và/hoặc cung cấp dịch vụ bảo vệ bí mật nhà nước"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 608 ngày 26.06.1995** – *"Về chứng nhận các phương tiện bảo vệ thông tin"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 957 ngày 21.11.2006** – *"Về tổ chức cấp phép các loại hình hoạt động cụ thể"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 532 ngày 31.08.2006** – *"Về cấp phép hoạt động phát triển và/hoặc sản xuất các phương tiện bảo vệ thông tin bảo mật"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 79 ngày 03.02.2012** – *"Về cấp phép hoạt động bảo vệ kỹ thuật thông tin bảo mật"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 313 ngày 16.04.2012** – *"Về cấp phép hoạt động phát triển, sản xuất và phân phối các phương tiện mã hóa (mật mã)"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 1119 ngày 11.11.2012** – *"Về yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình xử lý trong hệ thống thông tin dữ liệu cá nhân"*.

---

## **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga**

- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 608 ngày 26.06.1995** – *"Về chứng nhận các phương tiện bảo vệ thông tin"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 957 ngày 21.11.2006** – *"Về tổ chức cấp phép các loại hình hoạt động cụ thể"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 532 ngày 31.08.2006** – *"Về cấp phép hoạt động phát triển và/hoặc sản xuất các phương tiện bảo vệ thông tin bảo mật"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 79 ngày 03.02.2012** – *"Về cấp phép hoạt động bảo vệ kỹ thuật thông tin bảo mật"*.
- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 313 ngày 16.04.2012** – *"Về cấp phép"*

hoạt động phát triển, sản xuất và phân phối các phương tiện mã hóa (mật mã)".

- **Nghị định của Chính phủ Liên bang Nga số 1119 ngày 11.11.2012** – "Về yêu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân trong quá trình xử lý trong hệ thống thông tin dữ liệu cá nhân".

---

## Tiêu chuẩn quốc gia Nga trong loạt "Bảo vệ thông tin"

- **GOST R 50922-2006** – "Các thuật ngữ và định nghĩa cơ bản".
- **GOST R 51188-98** – "Kiểm tra phần mềm để phát hiện virus máy tính. Hướng dẫn tiêu chuẩn".
- **GOST R 51275-2006** – "Đối tượng thông tin. Các yếu tố ảnh hưởng đến thông tin. Quy định chung".
- **GOST R 51583-2004** – "Quy trình tạo hệ thống tự động hóa trong môi trường bảo mật. Quy định chung".
- **GOST R 51624-2000** – "Hệ thống tự động hóa trong môi trường bảo mật. Yêu cầu chung". (Tài liệu có dấu "Chỉ dành cho sử dụng nội bộ")
- **GOST R 52447-2005** – "Kỹ thuật bảo vệ thông tin. Danh mục phân loại".
- **GOST R 52633.0-2006** – "Kỹ thuật bảo vệ thông tin. Yêu cầu đối với phương tiện xác thực sinh trắc học có độ chính xác cao".
- **GOST R 5269.0-2013** – "Hệ thống tiêu chuẩn. Quy định chung".
- **GOST R 52863-2007** – "Hệ thống tự động hóa trong môi trường bảo mật. Ảnh hưởng của tác động điện từ công suất lớn lên hệ thống xử lý thông tin".
- **GOST R 53110-2008** – "Hệ thống đảm bảo an ninh thông tin trên mạng viễn thông công cộng. Quy định chung".
- **GOST R 53114-2008** – "Đảm bảo an toàn thông tin trong tổ chức. Các thuật ngữ và định nghĩa cơ bản".
- **GOST R 53131-2008** – "Khuyến nghị về dịch vụ khôi phục sau sự cố và cơ chế bảo mật trong công nghệ thông tin và viễn thông. Quy định chung".

---

## Tiêu chuẩn quốc gia Nga trong loạt "Công nghệ thông tin"

Liên bang Nga đã thông qua các tiêu chuẩn sau, **tương thích với các tiêu chuẩn quốc tế**:

- **GOST R ISO/IEC 27000-2012** – "Hệ thống quản lý an toàn thông tin. Tổng quan chung và thuật ngữ".
- **GOST R ISO/IEC 27001-2006** – "Hệ thống quản lý an toàn thông tin. Yêu cầu".
- **GOST R ISO/IEC 27002-2012** – "Tập hợp các quy tắc và phương pháp quản lý an toàn thông tin". (Dựa trên ISO/IEC 27002:2005).
- **GOST R ISO/IEC 27004-2010** – "Quản lý an toàn thông tin. Đo lường".
- **GOST R ISO/IEC 27005-2010** – "Quản lý rủi ro an toàn thông tin".
- **GOST R ISO/IEC 15408-1-2012** – "Tiêu chí đánh giá an toàn thông tin. Phần 1. Mô hình bảo mật tổng quát".
- **GOST R ISO/IEC 15408-2-2013** – "Tiêu chí đánh giá an toàn thông tin. Phần 2. Các yêu cầu bảo mật chức năng".
- **GOST R ISO/IEC 15408-3-2013** – "Tiêu chí đánh giá an toàn thông tin. Phần 3. Thành phần tin cậy của bảo mật".
- **GOST R ISO/IEC 18044-2007** – "Công nghệ thông tin. Phương pháp và phương tiện bảo vệ an toàn thông tin. Quản lý sự cố bảo mật thông tin".
- **GOST R ISO/IEC 18045-2007** – "Công nghệ thông tin. Phương pháp và phương tiện bảo vệ an toàn thông tin. Phương pháp đánh giá bảo mật thông tin".

# CƠ QUAN LIÊN BANG VỀ KIỂM SOÁT KỸ THUẬT VÀ XUẤT KHẨU (FSTEC)

Thành lập vào ngày 5 tháng 1 năm 1992 (*trước đây là Ủy ban Kỹ thuật Nhà nước*).

Năm 2004, theo sắc lệnh của Tổng thống, ủy ban này được đổi tên thành **FSTEC**.

Đây là cơ quan hành pháp liên bang của Liên bang Nga, trực thuộc Bộ Quốc phòng.

## Chức năng chính của FSTEC:

Nhiệm vụ chính của FSTEC là **kiểm soát và đảm bảo an ninh thông tin kỹ thuật**, có ý nghĩa **quan trọng đối với hoạt động của nhà nước**, bao gồm:

- Bảo vệ thông tin trong các hệ thống lưu trữ, tìm kiếm và xử lý dữ liệu, cũng như truyền tải thông tin qua các kênh liên lạc.
- Đảm bảo an toàn dữ liệu liên quan đến khách hàng, du khách và các hoạt động tài chính.
- Kiểm soát hoạt động sản xuất, phát hành và ứng dụng các sản phẩm công nghệ có thể gây rò rỉ thông tin.
- Chống lại nguy cơ rò rỉ dữ liệu quan trọng từ các phương tiện vận tải nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Liên bang Nga.

## Chức năng cụ thể của FSTEC:

- Cấp phép bảo vệ kỹ thuật thông tin cho các công ty nhằm xác nhận các biện pháp bảo mật dữ liệu trong hoạt động của họ.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định bảo vệ dữ liệu của các cơ quan nhà nước và doanh nghiệp.
- Kiểm soát xuất khẩu các sản phẩm công nghệ, đảm bảo không có rò rỉ công nghệ quan trọng.
- Cấp phép kiểm soát kỹ thuật xuất khẩu đối với hàng hóa và công nghệ thuộc danh mục kiểm soát của Liên bang Nga.
- Cung cấp đánh giá chuyên môn về các sản phẩm công nghệ, đảm bảo không gây hại cho an ninh quốc gia.
- Đưa ra các kết luận về việc sử dụng các phương pháp phi thuế quan trong quản lý xuất khẩu.

---

## TÀI LIỆU CỦA FSTEC

### SẮC LỆNH CỦA FSTEC NGA NGÀY 11 THÁNG 2 NĂM 2013 SỐ 17

"Về việc phê duyệt các yêu cầu bảo vệ thông tin không thuộc phạm vi bí mật nhà nước, được lưu trữ trong các hệ thống thông tin của nhà nước"

### SẮC LỆNH CỦA FSTEC NGA NGÀY 18 THÁNG 2 NĂM 2013 SỐ 21

"Về việc phê duyệt thành phần và nội dung các biện pháp tổ chức và kỹ thuật nhằm đảm bảo an toàn dữ liệu cá nhân khi xử lý trong các hệ thống thông tin dữ liệu cá nhân"

---

## Tài liệu quy phạm ngành về bảo vệ kỹ thuật thông tin

Tiêu chuẩn của tổ chức (CTO), bao gồm tiêu chuẩn của các tổ chức thương mại, tổ chức công, tổ chức khoa học, tổ chức tự quản và hiệp hội pháp nhân, được phát triển bởi các tổ chức trong các trường hợp và điều kiện được quy định trong Luật Liên bang số 184-ФЗ ngày 27.12.2002 (sửa đổi ngày 28.11.2018) – "Về quy định kỹ thuật".

### Điều 16.1. Quy tắc hình thành danh mục tài liệu tiêu chuẩn hóa, việc áp dụng tự nguyện giúp tuân thủ các yêu cầu của quy định kỹ thuật

CTO – là tiêu chuẩn được một tổ chức phê duyệt và áp dụng nhằm phục vụ mục đích tiêu chuẩn hóa nội bộ cũng như để cải tiến sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ, quy trình sản xuất. Các tiêu chuẩn này có thể được sử dụng để phổ biến và ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học, thử nghiệm, sáng chế và phát triển.

- CTO không được mâu thuẫn với tiêu chuẩn quốc gia.
  - CTO có thể được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế (ISO, IEC) hoặc tiêu chuẩn khu vực.
  - CTO có thể được cơ quan tiêu chuẩn hóa nhà nước, hiệp hội hoặc tổ chức khoa học thẩm định.
  - CTO không được vi phạm nghĩa vụ quốc tế của Liên bang Nga.
- 

## PHÂN LOẠI CÁC NGUỒN ĐE DỌA AN NINH THÔNG TIN

### 1. Đe dọa do hành động của con người (*nguồn nhân tạo, nhân tố con người*)

Là các chủ thể, hành động của họ có thể dẫn đến vi phạm an ninh thông tin.

### 2. Đe dọa do phương tiện kỹ thuật (*nguồn công nghệ*)

### 3. Đe dọa từ các nguồn tự nhiên (*thảm họa thiên nhiên, sự kiện không lường trước được*)

Là những hoàn cảnh ngoài tầm kiểm soát (*thảm họa tự nhiên hoặc các yếu tố khác*) khiến việc ngăn chặn trở nên bất khả thi hoặc khó lường trước.

#### Phân loại theo vị trí của nguồn đe dọa:


- Nội bộ (*nguồn đe dọa nằm bên trong hệ thống*)
- Bên ngoài (*nguồn đe dọa nằm ngoài hệ thống*)

#### Phân loại theo bản chất phát sinh:

- Tự nhiên (khách quan) – Do tác động từ môi trường thông tin, yếu tố vật lý hoặc hiện tượng thiên nhiên ngoài tầm kiểm soát con người.
- Nhân tạo (chủ quan) – Do hành động của con người gây ra.

Trong đó, **đe dọa nhân tạo** có thể được phân thành:

- **Không chủ ý** (vô ý gây hại do lỗi vận hành hoặc thiếu kiến thức)
- **Cố ý** (hành động có chủ đích nhằm xâm phạm an ninh thông tin)

 **Lưu ý quan trọng:**

- **Nguồn đe dọa nội bộ** (nhân viên có quyền truy cập thông tin) được coi là nguy hiểm nhất.
- **Các đối tượng tấn công có chủ đích** (tin tặc, kẻ trộm dữ liệu, nhân viên nội bộ phản bội) được xếp vào nhóm **mối đe dọa cao cấp nhất**.

Приоритет	Виды угроз	Субъекты угроз			
		Стихия	Нарушитель	Злоумышленник	
				На территории	Вне территории
1	Травмы и гибель людей	+	+	+	+
2	Повреждение оборудование, техники	+	+	+	+
3	Повреждение систем жизнеобеспечения	+	+	+	+
4	Несанкционированное изменение технологического процесса		+	+	
5	Использование нерегламентированных технических и программных средств		+	+	
6	Дезорганизация функционирования предприятия	+		+	
7	Хищение материальных ценностей			+	
8	Уничтожение или перехват данных путем хищения носителей информации			+	
9	Устное разглашение конфиденциальной информации		+		
10	Несанкционированный съем информации			+	+
11	Нарушение правил эксплуатации средств защиты		+	+	

## PHÂN LOẠI CÁC PHƯƠNG TIỆN BẢO VỆ

Theo **chức năng**, các phương tiện bảo vệ được chia thành:

- **Phương tiện phát hiện mối đe dọa**
- **Phương tiện phản ứng và ngăn chặn mối đe dọa**
- **Phương tiện loại bỏ mối đe dọa**

Ngoài ra, tất cả các phương tiện bảo vệ có thể được phân loại thành:

- **Cơ bản**
- **Bổ sung** (*tăng cường hiệu quả bảo vệ*)
- **Chuyên dụng** (*được thiết kế đặc biệt cho các hệ thống bảo mật theo đặc thù của doanh nghiệp*)

